

MỘT SỐ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ CÓ TẦM QUAN TRỌNG TRONG NGHIÊN CỨU CHÍNH TRỊ HỌC Ở VIỆT NAM

PHAN THỊ THÙY TRÂM*

Tư tưởng chính trị là một hình thái của ý thức xã hội, thuộc thượng tầng kiến trúc, được hình thành và phát triển trong lịch sử xã hội loài người kể từ khi xuất hiện giai cấp và nhà nước. Đó là hệ thống những quan niệm, quan điểm phản ánh các mối quan hệ chính trị đặc biệt giữa các giai cấp, các dân tộc và các quốc gia dân tộc xoay quanh vấn đề giành, giữ và thực thi quyền lực nhà nước diễn ra trong lịch sử, cũng như thái độ của các giai cấp, các dân tộc đối với quyền lực chính trị mà tập trung ở quyền lực nhà nước trong các thời đại lịch sử.

Các tư tưởng chính trị luôn được đặt trong điều kiện địa lý, kinh tế, chính trị của từng thời kỳ lịch sử cụ thể, đồng thời giữa chúng cũng có những nét tương đồng do sự kế thừa. Theo quan điểm duy vật lịch sử, tư tưởng chính trị chỉ là sự phản ánh những quan hệ kinh tế - xã hội đương thời. Ở cách tiếp cận này, không thể tìm hiểu tận cùng nguồn gốc của tư tưởng, của biến đổi tâm lý xã hội trong tư tưởng từng thời kỳ lịch sử. Và cũng không thể giải thích những biến đổi của một thời đại nào đó khi chỉ căn cứ vào ý thức của thời đại ấy. Theo C.Mác, “không thể nhận định về một thời đại đảo lộn như thế căn cứ vào ý thức của thời đại ấy, trái lại phải giải thích ý thức ấy bằng những mâu thuẫn của đời sống vật chất, bằng sự xung đột hiện có giữa các lực lượng sản xuất xã hội và những quan hệ sản xuất xã hội”¹.

Tư tưởng chính trị là sự phản ánh hiện thực đời sống chính trị và xác định con đường để biến cải đời sống chính trị hiện thực ấy. Vì vậy, nội dung của tư tưởng chính

trị luôn mang tính giai cấp (thể hiện lợi ích của một giai cấp nhất định, một nhóm giai cấp nhất định, một đảng nhất định), luôn hàm chứa những mục đích và những nhiệm vụ của hoạt động thực tiễn (để thực hiện những nhiệm vụ và đạt tới những mục đích chính trị, cần phải có những con người sử dụng được lực lượng chính trị thực tiễn).

Những tư tưởng chính trị khác nhau có tác động tới đời sống chính trị hiện thực theo những khuynh hướng khác nhau. Tư tưởng chính trị có thể đóng vai trò tiêu cực, phản động hay tích cực, cách mạng trong sự phát triển xã hội tùy thuộc vào việc nó phản ánh lợi ích của giai cấp nào trong giai đoạn phát triển nhất định của xã hội. Tư tưởng chính trị phản động (phản ánh xuyên tạc đời sống chính trị hiện thực) sẽ tác động kìm hãm sự phát triển của xã hội. Tư tưởng chính trị tiên tiến (phản ánh đúng đắn đời sống chính trị hiện thực) sẽ tác động thúc đẩy sự phát triển tiến bộ của xã hội.

Trong xã hội có giai cấp đối kháng, thái độ của mỗi giai cấp đối với quyền lực nhà nước là khác nhau. Nhưng giai cấp thống trị của bất kỳ thời kỳ nào cũng muốn duy trì, củng cố quyền lực nhà nước nhằm bảo vệ sự thống trị và lợi ích chung của chúng. Và ngược lại, giai cấp bị trị của bất kỳ thời kỳ nào trong lịch sử cũng muốn lật đổ nhà nước của giai cấp thống trị, thiết lập quyền lực nhà nước mới để bảo vệ lợi ích của giai cấp mình. Vì thế, trong xã hội có giai cấp đối kháng luôn có hai loại tư tưởng chính trị: tư tưởng của giai cấp thống trị và tư tưởng của giai cấp bị trị. Nhưng, ở bất cứ thời đại nào thì tư tưởng chính trị của giai cấp thống trị cũng là tư tưởng của giai cấp cầm quyền.

* ThS. Viện Phát triển bền vững vùng Nam bộ

Chính C.Mác và Ph.Ăngghen thừa nhận “Giai cấp nào chi phối những tư liệu sản xuất vật chất thì cũng chi phối luôn cả những tư liệu tinh thần, thành thử nói chung tư tưởng của những người không có tư liệu sản xuất tinh thần cũng đồng thời bị giai cấp thống trị đó chi phối”².

1. Những tư tưởng chính trị ở phương Đông đã phát sinh và phát triển từ thời kỳ cổ đại, từ cuối thiên niên kỷ thứ IV đến thiên niên kỷ thứ II trước Công nguyên. Sớm được biết đến là các tư tưởng chính trị ở Ấn Độ, thể hiện trong giáo lý Balamôn, bộ luật Manu và luận văn chính trị Arthasatra...

Những tư tưởng chính trị ở Trung Quốc xuất hiện trong thời kỳ Xuân Thu - Chiến Quốc (770 - 221 TCN), giai đoạn các nước thôn tính lẫn nhau dẫn đến tình trạng trật tự xã hội Trung Quốc thời bấy giờ không ổn định kéo dài. Một nhu cầu bức thiết được đặt ra, hàng loạt các tư tưởng chính trị ra đời phản ánh được xu thế của thời cuộc, đáp ứng được lợi ích của các giai cấp, của các tầng lớp khác nhau trong xã hội Trung Quốc cổ đại. Một số trường phái tư tưởng chính trị tiêu biểu cho giai đoạn này là Nho gia, Mặc gia và Pháp gia...

Tư tưởng Nho gia với những luận điểm chính trị mang tính tiên phong và thiết thực đối với một số tầng lớp nhân dân, nó chiếm một vị trí quan trọng trong lịch sử tư tưởng chính trị Trung Quốc. Tư tưởng chính trị Trung Quốc cổ đại không chỉ ảnh hưởng sâu sắc đến mọi mặt của đời sống xã hội, mà còn ảnh hưởng sâu sắc đến cả các nước lân cận của phương Đông. Tuy có nhiều biến đổi nhưng căn bản các tư tưởng chính trị vẫn còn giá trị đến đương thời. Đại diện cho trường phái Nho gia tiêu biểu có Khổng Tử và Mạnh Tử.

Khổng Tử (551 - 478 TCN) được xem là người sáng lập ra trường phái Nho gia. Tư tưởng chính trị của ông là làm cho xã hội bình ổn “thái bình thịnh trị”. Tư tưởng chính trị của Khổng Tử được thể hiện qua ba tư

tưởng chính trị trọng tâm là Nhân, Lễ, Chính danh, Ba tư tưởng chính trị này có quan hệ mật thiết với nhau, bổ sung cho nhau.

- Điểm trung tâm trong tư tưởng chính trị của ông là khái niệm “nhân”, Nhân là người sống có đạo đức, hiền từ, không hại ai và là người hay tương thân tương ái. Còn Lễ là giữ đúng phép tắc cư xử trong quan hệ xã hội giữa con người với con người, đồng thời còn được giữ nề nếp các hoạt động tế lễ trong truyền thống phong tục tập quán. Theo nghĩa hẹp thì lễ là những quy tắc, chuẩn mực đạo đức trong quan hệ giữa người với người. Chính danh là đòi hỏi mọi sự vật đều phải có cái danh và thực hiện đúng tiêu chuẩn của cái danh mà mỗi vật có. Xác định danh phận, vị trí mỗi người trong xã hội theo những quy định, tiêu chuẩn cũ áp đặt cho hiện thực mới đang nảy sinh trong một trật tự cũ, chật hẹp và xơ cứng buộc mọi người phải an phận theo chế độ đẳng cấp và làm tê liệt ý chí phản kháng của quần chúng nhân dân.

Như vậy tư tưởng chính trị của Khổng Tử thể hiện qua quan niệm về Nhân, Lễ, Chính danh là cai trị dân bằng chính đạo, bằng nhân nghĩa, bằng phương pháp rèn luyện đạo đức con người, giáo hóa dân, không dùng bạo lực và hình phạt, mà thể hiện bằng biện pháp nêu gương, làm đúng vai trò và trách nhiệm của mình trong xã hội. Tuy nhiên xét ở một khía cạnh của một xã hội đang loạn thì việc ông mong muốn đưa trở lại thời Tây Chu (khôi phục lễ Tây Chu) là không thể được, một mặt trong tư tưởng của ông có sự phân chia về đẳng cấp địa vị quá cao khó mang lại được sự công bằng trong xã hội.

Tư tưởng chính trị của Đạo gia được hình thành trong cuộc đấu tranh chống lại chủ trương “nhân trị” hay “pháp trị”. Đạo gia do Lão Tử (580 - 500 TCN) sáng lập ra. Trong tác phẩm “Đạo đức kinh” của Lão Tử trình bày ba nội dung của học thuyết “Vô vi”: Thứ nhất, thể hiện ở chủ trương phản đối sự

phân biệt đẳng cấp, thể chế chính trị, lễ nghĩa xã hội. Thứ hai, Vô vi có nội dung là sự tự do tuyệt đối, không bị ràng buộc bởi bất cứ thiên kiến, định chế hay lòng mong muốn dục vọng. Thứ ba, Vô vi còn là sự thích ứng đối với mọi hoàn cảnh sống trong xã hội. Từ đó ông đề xướng chủ trương “vô vi nhi trị” tức là đã đạt tới vô vi thì không gì không trị, “thường dùng vô vi mà được thiên hạ; hữu sự không đủ lấy thiên hạ” (Đạo đức kinh, chương 48)³.

Tư tưởng chính trị của Lão Tử thể hiện cô đọng ở “Vô vi”, cuộc đời cứ theo lẽ tự nhiên mà sống và sẽ có được tất cả. Với tư tưởng chính trị này Lão Tử đã đi ngược với sự phát triển của xã hội: đó là sự cách tân của các giai cấp địa chủ mới, hòng cứu vãn sự diệt vong của chế độ nô lệ; đó là một xã hội nhỏ, ít dân cư, ăn mặc giản dị, sống khép kín như bộ tộc, không giao thương... Như vậy rõ ràng tư tưởng chính trị của ông đi ngược với lịch sử, mặc dù quan điểm của ông chống lại giai cấp thống trị tàn bạo, ức hiếp quần chúng, làm trái với đạo tự nhiên.

Trào lưu tư tưởng chính trị Mặc gia do Mặc Tử (478 - 392 TCN) sáng lập ra. Mặc Tử tên là Mặc Dịch, người nước Lỗ, sinh vào cuối thời Xuân thu. Tư tưởng chính trị của ông được thể hiện trong sách “Mặc Tử”.

Với thuyết “Kiêm ái”, Mặc Tử cho rằng: muốn xã hội ổn định thì mọi người phải yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau, không phân chia đẳng cấp. Nếu mọi người ganh ghét, tranh giành nhau thì xã hội sẽ loạn. Ông chủ trương tiết kiệm và chống chiến tranh để tập trung lo lợi ích thiết thực cho dân. Điều lợi là quan trọng nhất, lợi cho trăm họ, lợi cho nhà nước trên tinh thần “cùng có lợi”, nghĩa là bình đẳng không chỉ trong việc hưởng thụ mà trong cả việc tham gia lao động.

Mặc Tử cũng chủ trương “Thượng hiền”: Tôn trọng người hiền và học tập người trên; nhân dân phải tuyệt đối phục tùng “người trên” (thượng đồng), đồng thời cũng có quyền phê phán, cản ngăn nếu người trên có

sai lầm. Ông phản đối chế độ cha truyền con nối của tầng lớp lãnh chúa phong kiến và ủng hộ việc tuyển chọn người “đứng đầu chính trị” phải là người có đủ cả đức và tài, không phân biệt người đó xuất thân từ tầng lớp, cương vị nào trong xã hội.

Tư tưởng chính trị của Mặc gia thể hiện rõ nét việc tự thể hiện của cá nhân trong các đẳng cấp mà người hiền tài tự đạt được, một xã hội ổn định là một xã hội mọi người cùng chung tay vì dân; chủ trương cải thiện đời sống của nhân dân lao động, không phân chia đẳng cấp. Đây là một tư tưởng chính trị có tính đột phá trong thời kỳ đó. Tuy nhiên, tư tưởng này mang tính duy tâm và màu sắc tôn giáo “lấy tinh thần khắc khổ bản thân làm mức cao nhất” để thi hành giáo lý, nên học thuyết của Mặc Tử không phát huy được tác dụng với xã hội đương thời.

Phái Pháp gia gồm nhiều tư tưởng, nhiều trường phái khác nhau như phái trọng pháp, phái trọng thuật, phái trọng thế. Hàn Phi Tử (280 - 232 TCN) đã kế thừa và phát triển tư tưởng pháp trị của các học giả trước, đặc biệt là của Tuân Tử và ba phái “Pháp”, “Thế”, “Thuật” để xây dựng nên một học thuyết mới về tư tưởng pháp trị ở Trung Quốc. Tác phẩm mang tên “Hàn Phi Tử” thể hiện toàn bộ nội dung tư tưởng chính trị của ông. Hàn Phi coi pháp, thuật, thế là ba yếu tố chủ đạo, có quan hệ mật thiết với nhau, bổ sung cho nhau của tư tưởng pháp trị.

Tư tưởng chính trị lớn của Hàn Phi Tử đó là thực hiện quyền uy của pháp luật, tuy nhiên sự quan hệ chặt chẽ và bổ sung cho nhau giữa pháp, thuật, thế đều tập trung ở người cao nhất trong xã hội là vua.

2. Những tư tưởng chính trị ở phương Tây là những tấm gương phản ánh, đồng thời là những công cụ phục vụ cuộc đấu tranh giữa các phe phái, tầng lớp, giai cấp trong xã hội xoay quanh vấn đề quyền lực.

Tiêu biểu có những tư tưởng chính trị ở thời kỳ Hy Lạp - La Mã cổ đại, có thể kể

đến Plato (428 -347 TCN), Aristotle (384 - 322 TCN)...

Plato (428 - 347 TCN), nhà tư tưởng chính trị Hy - La cổ đại, ông đã từng công khai biện hộ cho các nhà nước phản động, phi dân chủ. Plato viết các tác phẩm về chính trị như: “*Nhà nước*”, “*Cộng hòa*”, “*Quy luật*” và “*Nền chính trị*”. Tư tưởng chính trị nổi trội của ông là phản đối nền dân chủ chủ nô. Theo Plato, chính trị là sự hiểu biết tối cao, chỉ đạo tổng thể xã hội. Ông quan niệm chính trị đó là sự cai trị, nhưng cai trị bởi những nhà thông thái, một xã hội lý tưởng được cai trị bởi những người tài giỏi trong xã hội. Ông đặc biệt nhấn mạnh tới trí tuệ và nghệ thuật trong cai trị. “Chính trị là nghệ thuật cai trị những con người với sự bằng lòng của họ”. Cai trị bằng sức mạnh đó là độc tài, cai trị bằng thuyết phục đó mới đích thực là chính trị. Plato coi nguyên tắc tối cao để tổ chức chính quyền đó là sự thông thái, sự cai trị có tính nghệ thuật. Tuy nhiên, đối với ông chính trị là sự chuyên chế, tất cả các cá nhân phải phục tùng quyền uy cao nhất này, tự do chỉ dẫn đến hỗn loạn, gây tai họa cho đời sống công dân. Đây là tư tưởng đầy mâu thuẫn, vừa muốn xóa bỏ tư hữu, vừa muốn duy trì chế độ đẳng cấp.

Tư tưởng chính trị của Plato mang tính không tưởng về một xã hội được cai trị bởi những người thông thái, bên cạnh đó là tính khép kín không nhân văn và dân chủ trong việc chỉ tuyển chọn duy trì những đứa con của các nhà thông thái để đào tạo thành một xã hội của những nhà thông thái. Tuy vậy, tư tưởng chính trị của ông ở một khía cạnh và mức độ nào đó, đặc trưng của hoạt động chính trị là đòi hỏi hy sinh cá nhân, biết gạt bỏ nhu cầu và lợi ích riêng để duy trì và bảo tồn những giá trị chung, lợi ích chung.

Aristotle (384 - 322 TCN), nhà tư tưởng chính trị vĩ đại nhất của thời cổ đại, ông đã dày công nghiên cứu và phát triển một cách tài tình các nghiên cứu trước về nguồn gốc,

hình thức và vai trò của nhà nước pháp quyền. Những vấn đề chính trị được Aristotle viết trong hai tác phẩm “*Hiến pháp Athens*” và “*Chính trị học*”.

- Aristotle coi Nhà nước và quyền lực Nhà nước được hình thành trên cơ sở sự thỏa thuận giữa mọi người với nhau dựa vào ý chí của họ. Aristotle coi Nhà nước tồn tại trong ý thức hệ siêu hình, nó được phát triển từ gia đình, công xã và là một hình thức tổng thể và hoàn thiện nhất trong quan hệ giữa mọi người và với mục đích tối cao là nhằm liên kết mọi người để đạt tới một cuộc sống tốt đẹp nhất.

Thời kỳ Hy Lạp - La Mã cổ đại mang đậm nét những câu chuyện thần thoại, nên Aristotle xem Nhà nước, quyền lực Nhà nước là tất yếu được hình thành do lịch sử. Do đó, sứ mạng của nó là lãnh đạo tập thể các công dân, quan tâm đến lợi ích chung của công dân dựa trên cơ sở pháp luật. Ông phân chia thành hai loại pháp luật: pháp luật chung (tự nhiên mà có) và pháp luật riêng được tạo lập từ công dân thông qua cộng đồng dân tộc. Tầng mức pháp luật chung cao hơn pháp luật riêng. Chính vậy, Aristotle rất coi trọng pháp luật và cho rằng pháp luật là quy tắc khách quan, có tính chính trực vô tư xuất phát từ quyền lực chung và riêng phù hợp với các mục đích quốc gia.

- Aristotle nhận định: không phải chính phủ tốt chỉ có một loại duy nhất đối với tất cả mọi thời đại và các nước. Đây là nhận định sâu sắc dẫn đến việc ông chuyên tâm nghiên cứu rất đầy đủ các hình thức chính phủ khác nhau của các nước. Qua khảo cứu, ông phân thành hai loại chính phủ: loại chính phủ chân chính là Quân chủ, Quý tộc, Cộng hòa; loại chính phủ biến chất là: Độc tài, Dân chủ trị.

Aristotle ủng hộ chế độ quân chủ, coi đó như là hình thức tổ chức nhà nước thần thánh và ưu việt nhất. Ông cho rằng chế độ dân chủ chính trị có thể sẽ chuyển thành chế độ mị

dân và từ đó chuyển thành chế độ độc tài nếu một ý chí cá nhân tùy tiện nào đó được thay thế bằng pháp luật, lợi ích của đa số bị thay thế bằng lợi ích của cá nhân phi nhân cách có quyền lực thao túng, chế độ bị giao cho những tên nịnh bợ, gian xảo, ham muốn quyền lực và lợi ích riêng... Trong nền dân chủ, những tên mị dân đều có uy tín vô giới hạn. Vì vậy, vòng lẩn quẩn tất yếu xảy ra giữa dân chủ, mị dân và độc tài. Ông nhận thấy chế độ dân chủ chính trị cũng như mọi thể chế chính trị khác đều có mầm mống của sự biến chất. Chỉ thông qua những cuộc cách mạng mà thể chế mới có thể được thay đổi. Những cuộc cách mạng đó luôn luôn nảy sinh trong lòng những nguyên nhân lớn dù rằng nó chỉ được sinh ra tức thời từ những cơ hội nhỏ. Những nguyên nhân lớn đó là do sự quá bất bình đẳng hay quá bình đẳng; do hoàn cảnh địa lý, do thiếu tầng lớp trung lưu; do sự thoái hóa của các cá nhân cai trị; và có thể do sự tự do không hạn chế.

Tư tưởng chính trị lớn của Aristotle dựa trên nhãn quan uyên thâm và sâu sắc với phương pháp luận dựa trên sự quan sát thực tế chính trị, với kết quả của sức làm việc thiên tài. Tư tưởng chính trị của Aristotle, về nhiều mặt có ý nghĩa là sự tổng kết và khái quát hóa những giá trị cơ bản của tư tưởng chính trị Hy Lạp - La Mã cổ đại. Tuy nhiên, ông có những hạn chế bởi quan niệm cổ đại hẹp hòi về quyền tự do của cá nhân những người nô lệ và lao động... Mặc dầu không thể gọi Aristotle là nhà lý luận chính trị có tư tưởng dân chủ, nhưng vẫn không thể không thừa nhận những cống hiến khoa học vĩ đại của ông trong việc phát triển học thuyết về nhà nước và pháp quyền.

Những tư tưởng chính trị xuất hiện vào thời kỳ trung cổ kéo dài từ thế kỷ IV - XVI. Hai hiện tượng lớn chi phối thời kỳ này là sự ra đời của Thiên Chúa Giáo và chế độ phong kiến, thời kỳ chứa đầy bạo lực và giáo điều cuồng tín. Đại biểu của thời kỳ

này là Augustin (354-430), Thomas Aquinas (1225-1274).

Những tư tưởng chính trị từ thời kỳ cận đại nổi trội với các trào lưu tư tưởng như Phục hưng, Triết học ánh sáng, Bách khoa toàn thư... phản đối thần quyền và chế độ đẳng cấp phong kiến, bênh vực quyền lợi cho đẳng cấp thứ ba (tư sản, nông dân, thợ thủ công). Đại diện cho dòng tư tưởng chính trị chủ nghĩa tự do gồm có John Locke (1632-1704), S.L.Montesquieu (1689-1775), Jean Jacques Rousseau (1712-1778). Tư tưởng chính trị của dòng này tạo nên những quan niệm và nguyên lý nền tảng của thể chế chính trị dân chủ tư sản. Đồng thời, ở thời kỳ này hình thành và phát triển mạnh mẽ tư tưởng chủ nghĩa xã hội ở châu Âu vào đầu thế kỷ XIX và trở thành một trào lưu mới trong xã hội.

Jean Jacques Rousseau (1712-1778) là một trong những nhà tư tưởng vĩ đại nhất của Pháp thế kỷ XVIII đã có công rất lớn vào việc phát triển các học thuyết chính trị ở Pháp. Tác phẩm chính trị lớn của ông là "Bàn về khế ước xã hội" (xuất bản năm 1762) gây tiếng vang lớn ở châu Âu. Tư tưởng chính trị nổi bật của ông là kịch liệt chống chuyên chế phong kiến, bảo vệ chủ quyền của nhân dân, quan tâm đến những người dân bình thường. Theo ông, thể chế chính trị hợp lý là khi con người liên kết với nhau thành xã hội thì vẫn không mất đi quyền tự nhiên và duy trì được tự do. Tư tưởng chủ quyền nhân dân đã được ông nghiên cứu phát triển, nó thể hiện trên ý chí của chung hoặc ý chí của đa số, và quyền lực thuộc về nhân dân không dựa trên bất kỳ đạo luật nào. Những văn bản được nhân dân dựa trên nguyên tắc đa số thông qua mới trở thành luật. Tuy nhiên sự bất công được phát triển cùng với xã hội, ông đã nhận thấy rằng con người vốn sinh ra được tự do, song ở khắp nơi họ đều bị xiềng xích. Vì thế, toàn thể nhân dân không thể bị cai trị, phải xây dựng một chính phủ có quyền lực tập chung

thông qua một số người nắm giữ quyền lực chung đó, quyền lực tối thượng thuộc về nhân dân. Tư tưởng này đã thấm nhuần tinh thần cách mạng, một khi nhà nước được hình thành lập theo khế ước xã hội thì chế độ dân chủ được đảm bảo, mọi người được tự do và khi nhà nước đó lạm quyền thì nhân dân có quyền bãi bỏ.

Về quyền lực nhà nước, theo Rousseau quyền lập pháp và quyền hành pháp và tư pháp nằm trong một chính thể thống nhất, tuy nhiên các chức năng của các quyền lực này được thi hành riêng biệt nhau, và độc lập với nhau.

Quyền lập pháp là ý chí của nhân dân bầu ra một số người nắm giữ quyền lực chung (tổ chức chính trị), gắn liền với chủ quyền quốc gia.

Quyền hành pháp luôn luôn thuộc về nhân dân (sức mạnh của nó) thông qua văn bản có ý chí chung, nhà vua không thể cao hơn chúng, cho nên nhân dân có quyền quyết định hình thức chính phủ. Các đại biểu của dân là đầy tớ của dân, các quyết định của họ chỉ có thể trở thành khế ước xã hội (luật) sau khi thông qua trưng cầu ý dân. Nhiệm vụ của lập pháp bảo đảm hạnh phúc và phúc lợi cho tất cả công dân, tự do và bình đẳng của họ.

Quyền tư pháp thuộc về cơ quan giám sát và bảo vệ pháp luật, để ngăn ngừa việc tiếm quyền từ phía chính phủ, ông đề nghị tiến hành đại hội nhân dân định kỳ, mà ở đó chính phủ phải có trách nhiệm báo cáo.

Ông ủng hộ thể chế cộng hòa - các quan chức do nhân dân bầu ra. Chính quyền lập pháp được thiết lập do khế ước xã hội, chính quyền hành pháp được thành lập bởi văn bản của quyền lực lập pháp có chủ quyền. Chính điều này quy định vai trò phụ thuộc của chính phủ vào quyền lập pháp.

Tư tưởng chính trị của ông vượt qua thời đại của ông và vượt qua khỏi phạm vi tư tưởng dân chủ tư sản. Các tư tưởng của ông

về con người sinh ra tự nhiên đã khác nhau, quyền thực hiện nghĩa vụ lao động của mọi người trong xã hội, quyền lực của nhà nước thuộc về nhân dân... đã làm ông trở thành người tiên đoán những tư tưởng xã hội chủ nghĩa, mặc dù bản thân ông không phải là nhà xã hội chủ nghĩa.

Ngoài ra còn có các tư tưởng chính trị của Thomas Hobbes (1585-1679), Francis Marie Arouet de Voltaire (1694-1778), Georg Wilhem Friedrich Hegel (1770-1831), Thomas Jefferson (1743-1826), Thomas Paine (1737-1809), John Stuart Mill (1806-1873)... đã đóng góp khá nhiều trong các tư tưởng chính trị tiến bộ, bảo vệ sự tự do, bình đẳng tự nhiên của con người trong xã hội.

Trong lịch sử tư tưởng chính trị thế giới, các tư tưởng chính trị của C.Mác (1818-1883), Ph.Ăngghen (1820-1895) và V.I.Lênin (1870-1924) có vai trò và vị trí nổi bật đặc biệt. Chủ nghĩa Mác - Lênin xác định một cách khách quan, khoa học về bản chất của chính trị, đấu tranh chính trị và cách mạng chính trị.

Chính trị luôn mang bản chất giai cấp, bản chất của giai cấp được quy định bởi lợi ích, trước hết lợi ích được bắt nguồn từ kinh tế, từ chế độ chiếm hữu và phân hóa giai cấp. Giai cấp nào chiếm hữu tư liệu sản xuất thì giai cấp đó sẽ trở thành giai cấp thống trị chính trị, cầm quyền Nhà nước.

Chính trị có tính dân tộc, vấn đề dân tộc, đấu tranh giải phóng dân tộc, chống kỳ thị dân tộc là nội dung quan trọng của hoạt động chính trị. Trong đấu tranh chính trị, việc xử lý quan hệ giai cấp - dân tộc được đặt ra thường xuyên trên bình diện của mỗi quốc gia và dân tộc. Không thể tuyệt đối hóa vấn đề giai cấp mà quên đi vấn đề dân tộc (dẫn tới chủ nghĩa biệt phái), Không thể tuyệt đối hóa vấn đề dân tộc mà quên đi vấn đề giai cấp (dẫn tới chủ nghĩa dân tộc cực đoan).

Chính trị có tính nhân loại, cả hai vấn đề về giai cấp và dân tộc đều gắn liền với vấn đề nhân loại. Chính trị hiện đại luôn coi trọng vấn đề nhân loại, giải quyết vấn đề nhân loại trên cơ sở quan điểm giai cấp.

Có ba hình thức đấu tranh giai cấp cơ bản: Đấu tranh chính trị; Đấu tranh kinh tế; Đấu tranh tư tưởng lý luận. Ba hình thức đấu tranh này có quan hệ mật thiết với nhau, ảnh hưởng và bổ sung cho nhau. Đấu tranh tư tưởng lý luận, đấu tranh kinh tế phục vụ đấu tranh chính trị. Đấu tranh chính trị là hình thức đấu tranh cao nhất quyết định thắng lợi cuối cùng và căn bản của giai cấp vô sản đối với giai cấp tư sản.

Tư tưởng chính trị của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I. Lênin cũng thể hiện rõ trong lý luận về tình thế và thời cơ cách mạng, về phương thức giành chính quyền và nghệ thuật thỏa hiệp, về xây dựng thể chế sau thắng lợi của cách mạng chính trị, về xây dựng đảng cộng sản cầm quyền, v.v... Có hai phương thức giành chính quyền bằng bạo lực phổ biến tất yếu trong lịch sử và phương thức giành chính quyền bằng hòa bình rất hiếm và ít khi xảy ra. Sức mạnh bạo lực được phân tích bao gồm cả vật chất và tinh thần (kết hợp kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa...). Nghệ thuật thỏa hiệp (có nguyên tắc) được đặt ra như một nhu cầu thực tiễn chứ không phải từ ý muốn chủ quan, chủ yếu do tương quan lực lượng ở phía cách mạng chưa đủ mạnh. Việc xây dựng đảng cộng sản cầm quyền là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng sau khi giai cấp công nhân đã giành được chính quyền. Đảng đạt tầm cao trí tuệ, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức là đảm bảo tiên quyết cho thắng lợi của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Một trong những tư tưởng chính trị cơ bản của học thuyết Mác - Lênin là đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản tất yếu dẫn đến chuyên chính vô sản. Chuyên chính vô sản không phải để duy trì sự áp bức bóc lột, sự

thống trị của giai cấp mà chỉ là hình thức chính trị quá độ để xóa bỏ hoàn toàn sự áp bức bóc lột, sự thống trị của giai cấp nói chung, trong đó có giai cấp vô sản đi đến mục đích cuối cùng là giải phóng con người, đi tới xã hội không còn giai cấp và nhà nước.

3. Tư tưởng chính trị, trong lịch sử Việt Nam, có thể kể đến những tư tưởng chính trị sơ khai có từ thời Văn Lang - Âu Lạc có nội dung cơ bản là hòa mục, đoàn kết chống ngoại xâm; giữ vững chủ quyền quốc gia, độc lập dân tộc; xây dựng nhà nước quân chủ độc lập (thế kỷ X-XV), tiêu biểu có các tư tưởng chính trị của Lý Công Uẩn, Lý Thường Kiệt, và Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông...

Tư tưởng “khoan dân” của Trần Quốc Tuấn, Trần Quốc Tuấn [sinh vào thời Thái Tông (không rõ năm nào) - 1300], là vị Tổng chỉ huy quân đội nhà Trần trong kháng chiến chống quân Nguyên. Tư tưởng của ông thể hiện ở đường lối chiến lược, chiến thuật dựng nước và giữ nước và toàn bộ hoạt động thực tiễn của ông là tư tưởng “khoan dân”. Học thuyết chủ trương nhân trị (nhân trị và đức trị) theo trường phái Nho gia là Khổng Tử và Mạnh Tử của Trung Quốc thời cổ đại, tiếp thu những tư tưởng yêu nước của phái Nho giáo nhưng đã được Trần Quốc Tuấn vận dụng sáng tạo, cải biến phù hợp với thực tiễn văn hóa Việt Nam thời bấy giờ.

Trần Quốc Tuấn cho rằng chỉ có thể dựa vào dân (sĩ - nông - công - thương: sự phân chia không dựa trên tiêu chuẩn sở hữu về tư liệu sản xuất mà phân theo ngành nghề đây là bậc thang giá trị xã hội khi của xã hội phong kiến chỉ trọng kẻ sĩ) mới có thể thắng được quân địch hung mạnh, bạo tàn. Vì vậy, ông đã đề nghị nhà vua thi hành chính sách “khoan thư sức dân”, quan tâm đến đời sống của toàn thành phần dân cư, vì đó là “kế sâu gốc bền rễ, là thượng sách để giữ nước”.

Đặt lợi ích dân tộc lên hàng đầu, thấm nhuần tư tưởng yêu nước và nhân văn cao cả trong việc kết hợp hài hòa quyền lợi của nhân dân và quyền lợi của giai cấp phong kiến để động viên binh sĩ đánh giặc.

Bên cạnh đó, tư tưởng đoàn kết là nền tảng cho việc giữ và xây dựng nước. Ông chú trọng đến việc xây dựng quân đội thường trực và quân đội dân binh trong nước với tinh thần đồng tâm giết giặc giữ nước. Chính điều này đã đem lại thắng lợi vẻ vang cho dân tộc Việt suốt ngàn năm qua.

Tóm lại, tư tưởng chính trị của Trần Quốc Tuấn có giá trị lịch sử và vĩnh cửu trong quá trình thực hiện cứu nước, giữ nước và xây dựng nước, hoặc đổi mới và cải cách... được áp dụng trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể.

Những giá trị sâu sắc của tư tưởng chính trị này không ngừng được phát huy trong suốt chiều dài lịch sử, đạt tới đỉnh cao trong thời đại ngày nay là tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh (1890-1969), vị lãnh tụ thiên tài, người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam, anh hùng giải phóng dân tộc, là danh nhân văn hóa thế giới. Cả cuộc đời và sự nghiệp của Người là tấm gương sáng ngời cho toàn Đảng, toàn dân ta đang phấn đấu suốt đời học tập và noi theo tấm gương của ông. Những tư tưởng nổi bật của Hồ Chí Minh là:

Thứ nhất, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, đây là tư tưởng xuyên suốt và là nền tảng của toàn bộ quá trình cách mạng. Chỉ có độc lập dân tộc khi dân tộc đó phải thoát khỏi nô lệ bằng con đường cách mạng do chính dân tộc đó tiến hành. Dân tộc đó phải có chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, phải có quyền tự quyết định sự phát triển của dân tộc mình. Dân tộc đó thực hiện được các quyền tự do, dân chủ, công bằng, bình đẳng đối với nhân dân. Độc lập về chính trị phải gắn liền với sự phát triển về mọi mặt: kinh tế, văn hóa, xã hội.

Thứ hai, chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam Về bản chất, chủ nghĩa xã hội là tư tưởng giải phóng con

người, xóa bỏ áp bức bóc lột, xóa bỏ bất công, thực hiện dân chủ, tự do, công bằng, bình đẳng cho mọi người. Chủ tịch Hồ Chí Minh quan niệm, xây dựng chủ nghĩa xã hội là xây dựng một xã hội đảm bảo cho nhân dân lao động có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, là xây dựng một xã hội mà ở đó, đời sống vật chất ngày càng tăng, đời sống tinh thần ngày càng tốt, xã hội ngày càng văn minh, tiến bộ.

Thứ ba, đoàn kết, đại đoàn kết Tư tưởng đoàn kết của Hồ Chí Minh là sự kế thừa truyền thống dựng nước và giữ nước mấy ngàn năm của dân tộc. Để sinh tồn và phát triển, toàn dân phải đoàn kết để tạo nên sức mạnh chung trong cuộc đấu tranh chinh phục thiên nhiên và chống giặc ngoại xâm. Lịch sử đã chứng minh, tinh thần đoàn kết là một trong những yếu tố quan trọng làm nên những thắng lợi vẻ vang của dân tộc. Trong sự nghiệp xây dựng đất nước hiện nay, “Đoàn kết, đại đoàn kết” là một yếu tố quan trọng để thúc đẩy đổi mới và hội nhập nhằm thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh

Thứ tư, xây dựng đảng cách mạng chân chính, Đảng Cộng sản cầm quyền trong sạch, tiêu biểu cho đạo đức và văn minh Xây dựng đảng cách mạng chân chính, Đảng Cộng sản cầm quyền trong sạch là vấn đề cốt tử của cách mạng, nhân tố quyết định thắng lợi của cuộc cách mạng giành chính quyền và thắng lợi của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Đảng cách mạng chân chính là Đảng phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào hạnh phúc.

Thứ năm, xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Nhà nước là cơ quan quyền lực của dân, do dân ủy quyền và phấn đấu vì lợi ích của dân. Dân chủ thực sự là dân chủ được thực hiện trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội nhưng quan trọng trước hết là dân chủ trong kinh tế và chính trị, từ đó mà có dân chủ trong lĩnh vực tư tưởng, văn hóa và ý thức tinh thần của xã hội.

Tiếp cận từ góc độ chính trị học ở Việt Nam cũng như trên thế giới, tư tưởng chính trị được các nhà nghiên cứu về chính trị học nghiên cứu một cách có hệ thống, hướng tới những vấn đề thực tiễn của đời sống chính trị đương đại. Nhiều kết quả nghiên cứu cho thấy, đời sống chính trị hiện đại đang chịu sự tác động của bốn dòng tư tưởng chính trị cơ bản: Tư tưởng chính trị tự do; Tư tưởng chính trị bảo thủ; Tư tưởng chính trị dân chủ xã hội; Tư tưởng chính trị cộng sản⁴.

Tóm lại: Việc nghiên cứu một cách có hệ thống các tư tưởng chính trị xuất hiện trong lịch sử nhân loại (khái quát và hệ thống hóa những giá trị chính trị của nhân loại từ thời cổ đại đến nay), hiểu sâu sắc về lịch sử đấu tranh giai cấp (những bài học kinh nghiệm trong đấu tranh giành, giữ và thực thi quyền lực chính trị) và sự vận dụng chúng ở các nước trên thế giới, sẽ góp phần nâng cao hiểu biết về tư tưởng chính trị của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin, Hồ Chí Minh; đồng thời trang bị cho người làm công tác nghiên cứu chính trị những quan niệm, khái niệm khoa học về chính trị, những phương pháp khoa học trong tiếp cận nghiên cứu chính trị, những tri thức chính trị, văn hóa chính trị, tình cảm chính trị và niềm tin chính trị.

Chú thích

1. C.Mác và Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập, Tập 13*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.15.
2. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập, Tập 3*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.66.
3. Xem Nguyễn Thế Nghĩa (1999), *Đại cương Lịch sử các tư tưởng và học thuyết chính trị trên thế giới*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.125.
4. Xem thêm: Lưu Văn Sùng (2007), *Tư tưởng chính trị và thiết kế hệ thống chính trị - Phân tích sự tác động của tư tưởng dân chủ xã hội* (trong sách “*Chính trị học Những vấn đề lý luận và thực tiễn*”, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội, tr.400).

Tài liệu tham khảo

1. Đặng Nguyên Anh (1999), *Những vấn đề về nhận thức tư tưởng chính trị hiện nay*, Tạp chí Thông tin lý luận, Số 261, tr.12-15.
2. Hoàng Chí Bảo (1992), *Khoa học chính trị với sự nghiệp đổi mới*, Tạp chí Khoa học xã hội, Số 2, tr.22-26.
3. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập, Tập 3 và Tập 21*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. C.Mác và Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập, Tập 13*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
6. Học Viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Chính trị học (1999), *Tập bài giảng Chính trị học*, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội.
7. Học Viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh (2007), *Chính trị học Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội.
8. Học viện Báo chí và tuyên truyền, Khoa Chính trị học (2009), *Chính trị học đại cương*, Nxb. Hà Nội, Hà Nội.
9. Học Viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Phân Viện thành phố Hồ Chí Minh (2001), *Đề cương bài giảng Chính trị học*, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội.
10. Học Viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Khoa học Chính trị (2004), *Tập bài giảng Chính trị học (Hệ cao cấp lý luận chính trị)*, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội.
11. Lesliel Lispon (Đặng Tâm dịch, Tạ Văn Tài hiệu đính) (1974), *Những vấn đề căn bản của chính trị*, Nxb. Hiện đại thư xã, Sài Gòn.
12. Nguyễn Hữu Khiển (2006), *Phân tích triết học Những vấn đề cơ bản về chính trị và khoa học chính trị*, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội.
13. Nguyễn Thế Nghĩa (1999), *Đại cương Lịch sử các tư tưởng và học thuyết chính trị trên thế giới*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
14. Dương Xuân Ngọc (2006), *Tìm hiểu môn học Chính trị học*, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội.
15. Lưu Văn Sùng (2007), *Tư tưởng chính trị và thiết kế hệ thống chính trị - Phân tích sự tác động của tư tưởng dân chủ xã hội* (trong sách “*Chính trị học Những vấn đề lý luận và thực tiễn*”, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội).